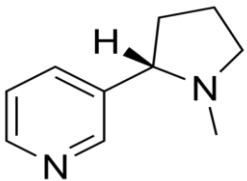


ĐÁP ÁN, HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
I	1	Giai đoạn 1 trong quy trình sản xuất Axit sunfuric trong công nghiệp từ quặng pirit sắt bằng phương pháp tiếp xúc là sản xuất SO ₂ theo phản ứng hoá học sau: $\text{FeS}_2 + \text{O}_2 \rightarrow \text{Fe}_2\text{O}_3 + \text{SO}_2$ Xác định chất oxi hoá, chất khử và lập phương trình hoá học của phản ứng trên bằng phương pháp thăng bằng electron.	1 điểm
		$\begin{array}{ccccccc} 0 & 0 & +3 & -2 & +4 & -2 & \\ \text{FeS}_2 & + & \text{O}_2 & \rightarrow & \text{Fe}_2\text{O}_3 & + & \text{SO}_2 \end{array}$ Chất khử: FeS ₂ Chất oxi hoá: O ₂	0,25 điểm 0,25 điểm
		$\begin{array}{ccccccc} 0 & +3 & +6 & & & & \\ \text{x4} \left \text{FeS}_2 \right. & \rightarrow & \text{Fe} & + & 2\text{S} & + & 11\text{e} \\ 0 & -2 & & & & & \\ \text{x11} \left \text{O}_2 + 4\text{e} \right. & \rightarrow & 2\text{O} & & & & \end{array}$	0,25 điểm
		$4\text{FeS}_2 + 11\text{O}_2 \rightarrow 2\text{Fe}_2\text{O}_3 + 8\text{SO}_2$	0,25 điểm
	2	Viết phương trình điện li của các chất sau: KOH, HF, Na ₂ HPO ₄	1 điểm
II		$\text{KOH} \rightarrow \text{K}^+ + \text{OH}^-$ $\text{HF} \rightleftharpoons \text{H}^+ + \text{F}^-$ $\text{Na}_2\text{HPO}_4 \rightarrow 2\text{Na}^+ + \text{HPO}_4^-$ $\text{HPO}_4^- \rightleftharpoons \text{H}^+ + \text{PO}_4^{2-}$	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
	1	Cho sơ đồ biến hóa sau: $\text{S} + (\text{A}) \rightarrow (\text{X})$ $\text{S} + (\text{B}) \rightarrow (\text{Y})$ $(\text{Y}) + (\text{A}) \rightarrow (\text{X}) + (\text{E})$ $(\text{X}) + (\text{D}) + (\text{E}) \rightarrow (\text{U}) + (\text{V})$ $(\text{Y}) + (\text{D}) + (\text{E}) \rightarrow (\text{U}) + (\text{V})$ Biết S là lưu huỳnh. Hãy tìm các chất thích hợp và hoàn thành các phương trình hoá học của các phản ứng trong sơ đồ trên.	1 điểm
		$\text{S} + \text{O}_2 \rightarrow \text{SO}_2 (\text{X})$ $\text{S} + \text{H}_2 \rightarrow \text{H}_2\text{S} (\text{Y})$ $\text{H}_2\text{S} + \text{O}_2 \rightarrow \text{SO}_2 + \text{H}_2\text{O} (\text{E})$ $\text{SO}_2 + \text{Cl}_2 (\text{Br}_2) + 2\text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{H}_2\text{SO}_4 + 2\text{HCl}$ $\text{H}_2\text{S} + \text{Cl}_2 (\text{Br}_2) + 2\text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{H}_2\text{SO}_4 + 2\text{HCl}$	- Mỗi phương trình đúng = 0,25 - Đúng cả 5 phương trình cho 1 điểm
	2	Nước Gia ven và Clorua vôi là những chất có tính oxi hoá mạnh nên được ứng dụng để tẩy trắng vải, sợi, tẩy uế...Viết phương trình phản ứng điều chế nước Gia ven trong PTN và điều chế Clorua vôi trong công nghiệp	1 điểm

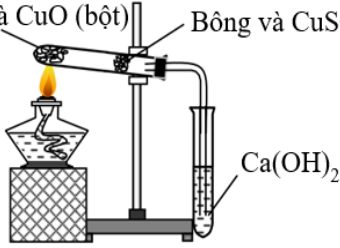
	- Cho khí Cl_2 đi qua dung dịch NaOH ở nhiệt độ thường. $\text{Cl}_2 + 2\text{NaOH} \longrightarrow \underbrace{\text{NaCl} + \text{NaClO} + \text{H}_2\text{O}}_{\text{(Nước Gia-ven)}}$ - Cho khí clo tác dụng với sữa vôi ở nhiệt độ 30°C: $\text{Ca(OH)}_2 + \text{Cl}_2 \rightarrow \text{CaOCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$ <i>Clorua vôi</i>	- Viết đúng 1 phương trình, đầy đủ đk cho 0,5 điểm - Viết đúng 1 phương trình, thiếu đk cho 0,25 điểm
3	Người nông dân thường dùng vôi để bón ruộng nhưng tại sao không nên trộn vôi chung với phân ure để bón ruộng?	1 điểm
	Khi trộn vôi với urê có phản ứng: $\text{CO(NH}_2)_2 + 2\text{H}_2\text{O} \rightarrow (\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$ $\text{Ca(OH)}_2 + (\text{NH}_4)_2\text{CO}_3 \rightarrow \text{CaCO}_3\downarrow + 2\text{NH}_3\uparrow + 2\text{H}_2\text{O}$ Phản ứng làm mất tác dụng của đạm urê (tạo ra NH_3 thoát ra) và làm rắn đất lại (do tạo CaCO_3). Vì thế không nên trộn vôi với urê để bón ruộng.	- Viết đúng, đủ phương trình cho 0,5 điểm - Giải thích được cho 0,5 điểm
4	Hòa tan m gam Mg trong 500ml dung dịch chứa hỗn hợp H_2SO_4 0,4M và $\text{Cu(NO}_3)_2$ đến phản ứng hoàn toàn thu được dung dịch X; 2 gam hỗn hợp kim loại và hỗn hợp khí X gồm 0,03 mol H_2 và 0,02 mol N_2. Tính giá trị của m.	1 điểm
	Khí X có chứa $\text{H}_2 \Rightarrow$ dung dịch X không có muối nitrat; Sau phản ứng thu được hỗn hợp kim loại $\Rightarrow \text{Mg dư} \Rightarrow \text{H}^+$ đã phản ứng hết Số mol H^+ phản ứng = 0,4 (mol); Số mol H^+ tạo ra H_2 và N_2 = 0,3 $\Rightarrow$ có muối amoni trong dung dịch X $\text{Số mol NH}_4^+ = \frac{0,4 - 0,3}{10} = 0,01(\text{mol}) \Rightarrow \text{Số mol Cu(NO}_3)_2(\text{bd}) = 0,025(\text{mol})$ Theo bảo toàn e $\Rightarrow$ số mol Mg phản ứng = 0,195 (mol); khối lượng Mg dư = 0,4 gam $\Rightarrow$ Khối lượng Mg (ban đầu) = 5,08 gam	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
III	Hoà tan 115,3 g hỗn hợp gồm MgCO_3 và RCO_3 bằng 500ml dung dịch H_2SO_4 loãng ta thu được dung dịch A, chất rắn B và 4,48 lít CO_2 (đktc). Cô cạn dung dịch A thì thu được 12g muối khan. Mặt khác đem nung chất rắn B tới khối lượng không đổi thì thu được 11,2 lít CO_2 (đktc) và chất rắn B_1. Biết trong hỗn hợp đầu số mol của RCO_3 gấp 2,5 lần số mol của MgCO_3. Tính nồng độ mol/lit của dung dịch H_2SO_4 loãng đã dùng, khối lượng của B, B_1 và xác định nguyên tố R.	2 điểm

		Thay hỗn hợp MgCO_3 và RCO_3 bằng chất tương đương $\overline{M} \text{CO}_3$ $\begin{array}{ccccccc} \overline{M} \text{CO}_3 & + & \text{H}_2\text{SO}_4 & \longrightarrow & \overline{M} \text{SO}_4 & + & \text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O} \quad (1) \\ 0,2 & & 0,2 & & 0,2 & & 0,2 \end{array}$ Số mol CO_2 thu được là: $n_{\text{CO}_2} = \frac{4,48}{22,4} = 0,2 \text{ (mol)}$. Vậy $n_{\text{H}_2\text{SO}_4} = n_{\text{CO}_2} = 0,2 \text{ (mol)}$. $\Rightarrow C_{\text{M(H}_2\text{SO}_4)} = \frac{0,2}{0,5} = 0,4 \text{ M}$ Rắn B là $\overline{M} \text{CO}_3$ dư: $\begin{array}{ccccc} \overline{M} \text{CO}_3 & \longrightarrow & \overline{M} \text{O} & + & \text{CO}_2 \quad (2) \\ 0,5 & & 0,5 & & 0,5 \end{array}$ áp dụng định luật bảo toàn khối lượng ta có: $115,3 + 0,2.98 = m_B + m_{\text{muối tan}} + 0,2.44 + 0,2.18$. Vậy $m_B = 110,5 \text{ g}$ Theo phản ứng (2): từ B chuyển thành B_1, khối lượng giảm là: $m_{\text{CO}_2} = 0,5 \cdot 44 = 22 \text{ g}$. Vậy $m_{B_1} = m_B - m_{\text{CO}_2} = 110,5 - 22 = 88,5 \text{ g}$ Tổng số mol $\overline{M} \text{CO}_3$ là: $0,2 + 0,5 = 0,7 \text{ mol}$ Ta có $\overline{M} + 60 = \frac{115,3}{0,7} \cdot 164,71 \Rightarrow \overline{M} = 104,71$ Vì trong hỗn hợp đầu số mol của RCO_3 gấp 2,5 lần số mol của MgCO_3. Nên $104,71 = \frac{24 \cdot 1 + R \cdot 2,5}{3,5} \Rightarrow R = 137$. Vậy R là Ba.	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
IV	1	Nicotin là một chất tìm thấy trong các cây họ Cà (Solanaceae), chủ yếu trong cây thuốc lá, và với số lượng nhỏ trong cà chua, khoai tây, cà tím và ớt. Nicotin cũng được tìm thấy trong lá của cây coca. Nó là một chất độc thần kinh rất mạnh với ảnh hưởng rõ rệt đến các loài côn trùng; do vậy trong quá khứ nicotin được sử dụng rộng rãi như là một loại thuốc trừ sâu. Hình bên cho thấy công thức cấu tạo phân bố trong không gian của nicotin. Xác định CTPT của nicotin và Tính thành phần % về khối lượng của N trong nicotin. 	1
		Nicotin: $\text{C}_{10}\text{H}_{14}\text{N}_2$ $\%N = \frac{14 \times 2 \times 100\%}{12 \times 10 + 14 + 14 \times 2} = 17,28\%$	0,5 điểm 0,5 điểm
	2	Vì sao đốt xăng thì cháy hết sạch, còn khi đốt than đá lại còn tro?	1 điểm
		Xăng là hợp chất hữu cơ có độ thuần khiết cao. Khi đốt xăng sẽ cháy hoàn toàn tạo thành CO_2 và hơi H_2O, tất cả chúng đều bay vào không khí. Xăng tuy là hỗn hợp nhiều hidrocarbon, nhưng chúng là những chất dễ cháy. Vì vậy cho dù ở trạng thái hỗn hợp nhưng khi đốt đều cháy hết. Với than đá thì lại khác, vật liệu này có những thành phần rất phức tạp. Trong thành phần than đá ngoài cacbon và các hợp chất hữu cơ phức tạp còn có các khoáng là các muối silicat. Những khoáng vật này đều không cháy được, vì vậy sau khi đốt cháy sẽ còn lại và tạo thành tro.	0,5 điểm 0,5 điểm

3	Một bình gas (khí hóa lỏng) chứa hỗn hợp propan và butan với tỉ lệ mol 1 : 2 có khối lượng 12 kg. Khi đốt cháy hoàn toàn 1 mol propan hoặc 1 mol butan thì lượng nhiệt tỏa ra lần lượt là 2220 kJ và 2850 kJ. Trung bình lượng nhiệt tiêu thụ từ đốt khí gas của một hộ gia đình là 10000 kJ/ngày, hiệu suất sử dụng nhiệt là 70%, giá của bình gas trên là 400000 đồng. Tính số tiền mà một hộ gia đình cần chi trả cho việc mua gas trong một tháng (30 ngày).	1 điểm
	$+ \begin{cases} n_{C_3H_8} = x \\ n_{C_4H_{10}} = 2x \end{cases} \Rightarrow 44x + 2x \cdot 58 = 12 \cdot 1000 \Rightarrow x = 75.$ $+ \begin{cases} Q_{\text{thu/ngày}} = \frac{10000}{70\%} \\ Q_{\text{tỏa}} = 75 \cdot 2220 + 75 \cdot 2 \cdot 2850 \end{cases} \Rightarrow \text{Số ngày dùng hết gas} = 70\% \cdot \frac{75 \cdot 2220 + 75 \cdot 2 \cdot 2850}{10000} = 41,58 \text{ ngày}$ $\Rightarrow \text{Số tiền trả cho 30 ngày dùng gas là } \frac{30}{41,58} \cdot 400000 = 288600 \text{ đồng}$	0,25 điểm 0,25 điểm 0,5 điểm
4	Hỗn hợp X gồm 2 anđêhit đơn chức. Cho 13,48g X tác dụng hoàn toàn với AgNO_3 dư trong dung dịch NH_3 thì thu được 133,04g kết tủa. Mặt khác cho 13,48g X tác dụng hết với $\text{H}_2(\text{Ni}, t^0)$ thu được hỗn hợp Y. Cho Y tác dụng với Na dư thu được 3,472 lít H_2 (đktc). Hãy xác định công thức cấu tạo và % khối lượng của mỗi anđêhit	1 điểm

		Vì X là hỗn hợp hai andêhit đơn chức nên Y là hỗn hợp hai ancol đơn chức $\Rightarrow n_X = n_Y$. Do Y là hai ancol đơn chức nên số mol H₂ thoát ra khi cho Y tác dụng với Na dư luôn bằng một nửa Y $\Rightarrow n_X = 2n_{H_2} = 2 \cdot \frac{3,472}{22,4} = 0,31 \text{ mol} \Rightarrow \overline{M}_X = \frac{13,48}{0,31} = 43,48$ $\Rightarrow$ Trong X có HCHO Gọi công thức andêhit còn lại là (CH≡C)_tR-CHO ($t \geq 0$) Đặt số mol HCHO và (CH≡C)_tR-CHO lần lượt là a và b $\Rightarrow a + b = 0,31$ (1); $30a + (25t + R + 29)b = 13,48$ (2) Phương trình hóa học: $\begin{array}{c} \text{HCHO} \\ \text{a} \end{array} + 4\text{AgNO}_3 + 6\text{NH}_3 + 2\text{H}_2\text{O} \xrightarrow{t^\circ} (\text{NH}_4)_2\text{CO}_3 + 4\text{NH}_4\text{NO}_3 + 4\underset{\text{4a}}{\text{Ag}} \downarrow$ $\begin{array}{c} (\text{CH}\equiv\text{C})_t\text{R}-\text{CHO} \\ \text{b} \end{array} + (2+t)\text{AgNO}_3 + (3+t)\text{NH}_3 + \text{H}_2\text{O} \xrightarrow{t^\circ}$ $\xrightarrow{t^\circ} \underset{\text{b}}{(\text{CAg}\equiv\text{C})_t\text{R}-\text{COONH}_4} \downarrow + \underset{\text{2b}}{2\text{Ag}} \downarrow + (2+t)\text{NH}_4\text{NO}_3$ $108(4a+2b) + (132t + R + 62)b = 133,04 \quad (3)$ Từ (1),(2), (3) ta có : $b = \frac{5,06}{153-107.t}$ Do $b < 0,31 \Rightarrow \frac{5,06}{153-107.t} < 0,31 \Rightarrow t < 1,277 \Rightarrow t = 0$ hoặc $t = 1$ * Nếu $t = 0 \Rightarrow b = \frac{5,06}{153} \Rightarrow a = 42,37/153$. Thay vào (2), ta được $R = 127,39$ (không nguyên) loại. * Nếu $t = 1 \Rightarrow b = \frac{5,06}{153-107} = 0,11 \Rightarrow a = 0,2$ Thay vào (2) $\Rightarrow R = 14$; R là nhóm CH₂ Vậy andehit thứ 2 là : CH ≡ C-CH₂-CHO % khối lượng: % HCHO = $\frac{0,2.30}{13,48} \cdot 100\% = 44,51\%$ % CH ≡ C-CH₂-CHO = $100\% - 44,51\% = 55,49\%$	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
V	1	Vì sao khi mệt mỏi, uống nước đường glucozơ hoặc truyền nước đường glucozơ lại thấy khỏe hơn?	1 điểm
		Vì trong máu của người có một lượng đường huyết nhất định, nhưng khi ta mệt thì lượng đường huyết đó bị giảm làm ta càng thêm mệt mỏi. Khi ta uống nước đường hay một loại trái cây có chứa đường hoặc truyền nước đường glucozo thì sẽ làm tăng lượng đường huyết trong máu lên giúp ta khỏe hơn.	Giải thích đúng bản chất cho điểm tối đa 1 điểm
	2	X là trieste tạo bởi glixerol và các axit cacboxylic đơn chức. X có các đặc điểm: - Trong X, số nguyên tử cacbon nhiều hơn số nguyên tử oxi là 3. - Đốt cháy hoàn toàn x mol X, thu được y mol CO ₂ và z mol H ₂ O với $y - z = 3x$. - X có đồng phân hình học cis - trans. Xác định CTCT thu gọn của X.	1 điểm

		$\left. \begin{aligned} &+ X \text{ có } \sum n_{\text{OH}} = n_{\text{COO}} \Rightarrow O_X = 6 \Rightarrow C_X = 9 \\ &+ 3n_X = n_{\text{CO}_2} - n_{\text{H}_2\text{O}} \Rightarrow \pi_X = 4 = 3\pi_{\text{COO}} + 1\pi_{\text{C}=\text{C}} \\ &+ X \text{ có } \sum \text{đồng phân hình học} \Rightarrow \text{Số axit không no có } \sum C \geq 4 \\ &\Rightarrow X \text{ là } (\text{CH}_3 - \text{CH} = \text{CHCOO})\text{C}_3\text{H}_5(\text{OOCH})_2. \end{aligned} \right\}$	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm
	3	Chất hữu cơ X mạch hở có công thức phân tử là $\text{C}_6\text{H}_8\text{O}_4$. Từ X thực hiện sơ đồ sau: $\begin{aligned} X + \text{NaOH} &\xrightarrow{t^\circ} Y + Z + T & Y + \text{H}_2\text{SO}_4 &\longrightarrow \text{Na}_2\text{SO}_4 + E \\ Z &\xrightarrow{\text{H}_2\text{SO}_4, 170^\circ\text{C}} G + \text{H}_2\text{O} & Z + \text{CuO} &\xrightarrow{t^\circ} T + \text{Cu} + \text{H}_2\text{O} \end{aligned}$ Xác định CTCT của X và viết phương trình hoá học hoàn thành các phản ứng trên.	1 điểm
		+ X có $\text{CO}_2 + \text{NaOH} \longrightarrow 3$ hợp chất hữu cơ $\Rightarrow$ X là este hai chức. + $\begin{cases} Y \text{ là muối } \dots (\text{COONa})_2 \\ Z \text{ là ancol, } T \text{ là anđehit } (C_Y = C_Z \geq 2) \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} X \text{ là } \text{C}_2\text{H}_5\text{OOC}-\text{COOCH}=\text{CH}_2 \\ Z \text{ là } \text{C}_2\text{H}_5\text{OH}, T \text{ là } \text{CH}_3\text{CHO} \\ Y \text{ là } (\text{COONa})_2, E \text{ là } (\text{COOH})_2 \end{cases}$	- Xác định CTCT X cho 0,5 điểm -Viết đúng 1 phương trình pư cho 0,25 điểm -Viết đúng 2 phương trình pư trở lên cho 0,5 điểm
	4	Thủy phân hoàn toàn Xenlulozơ trong môi trường axit, thu được Glucozơ. Thực hiện phản ứng tráng gương Glucozơ để tráng gương, tráng ruột phích. Hãy viết phương trình hoá học của các phản ứng xảy ra trong các quá trình trên.	1 điểm
		$(\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5)_n + n\text{H}_2\text{O} \xrightarrow[t^\circ]{\text{H}^+} n\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$ $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6 + 2\text{AgNO}_3 + 3\text{NH}_3 + \text{H}_2\text{O} \longrightarrow \text{CH}_2\text{OH}(\text{CHOH})_4\text{COONH}_4 + 2\text{Ag} + 2\text{NH}_4\text{NO}_3$	- Viết đúng 1 phương trình, đầy đủ đk cho 0,5 điểm - Viết đúng 1 phương trình, thiếu đk cho 0,25 điểm
VI		Đốt cháy hoàn toàn 2,032 gam hỗn hợp X gồm hai este đơn chức, mạch hở tạo bởi hai ancol đồng đẳng kế tiếp với một axit cacboxylic, thu được 0,098 mol CO_2 và 0,076 mol H_2O. Mặt khác, cho 2,032 gam X tác dụng vừa đủ với dung dịch KOH, thu được hỗn hợp ancol Z. Cho Z vào bình chứa Na dư, thấy khối lượng bình tăng 0,822 gam. Xác định CTCT và Tính phần trăm khối lượng các este trong hỗn hợp X.	2 điểm
		$+ n_Z = n_{\text{COO}} = \frac{2,032 - 0,098 \cdot 12 - 0,076 \cdot 2}{32} = 0,022 \Rightarrow m_Z = 0,822 + 0,022 = 0,844 \text{ gam} \Rightarrow \overline{M}_Z = \frac{14,5}{0,25} = 38,36$ $\Rightarrow Z \text{ gồm } \begin{cases} \text{CH}_3\text{OH} : x \text{ mol} \\ \text{C}_2\text{H}_5\text{OH} : y \text{ mol} \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} x + y = 0,022 \\ 32x + 46y = 0,844 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} x = 0,012 \\ y = 0,01 \end{cases}$ $+ X \xrightarrow{\text{chia nhỏ}} \begin{cases} \text{COO} : 0,022 \text{ mol} \\ \text{CH}_2 : (0,098 - 0,022) = 0,076 \text{ mol} \\ \text{H}_2 : 0 \text{ mol} \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} \text{Hai este đều có } n = 2 \\ \overline{C}_X = \frac{0,098}{0,022} = 4,45 \end{cases}$ $\Rightarrow X \text{ gồm } \begin{cases} \text{C}_2\text{H}_3\text{COOCH}_3 : 0,012 \text{ mol} \\ \text{C}_2\text{H}_3\text{COOC}_2\text{H}_5 : 0,01 \text{ mol} \end{cases} \Rightarrow \boxed{\% \text{C}_2\text{H}_3\text{COOCH}_3 = 50,79\%}$	0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm

VII	Cho hình vẽ biểu diễn thí nghiệm như sau: Hợp chất hữu cơ và CuO (bột) Bông và CuSO₄ khan  Ca(OH)₂ Hãy cho biết: - Mục đích của thí nghiệm. - Có thể thay dung dịch Ca(OH)₂ bằng dung dịch NaOH được không? Vì sao? - Vai trò của CuO. - Vai trò của CuSO₄ khan.	2 điểm
	- Mục đích của thí nghiệm trên dùng để xác định sự có mặt của nguyên tố H và C trong hợp chất hữu cơ. - Không thể thay dung dịch Ca(OH)₂ bằng dung dịch NaOH. Vì NaOH không tạo kết tủa với CO₂ nên không xác định được sự có mặt của C - Vai trò của CuO : Bột CuO có tác dụng oxi hóa hợp chất hữu cơ thành các hợp chất vô cơ đơn giản. - Vai trò của CuSO₄ khan: để nhận biết có hơi nước thoát ra (Xác định sự có mặt của nguyên tố H trong HCHC)	0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm 0,25 điểm

Lưu ý: Học sinh làm cách khác đúng cho điểm tối đa